TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2026/DS-ST
Ngày: 31 – 3 – 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Tuấn

2. Ông Trần Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Hoàng Kha, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2025/TLST - DS ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2026/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cù Thị Rở E, sinh ngày 01/01/1988 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp P, xã P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1950 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp P, xã P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 11 năm 2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn bà Cù Thị Rở E *trình bày:* Vào ngày 10 tháng 5 năm 2017, bà có cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền là 15.000.000 đồng. Khi vay thì bà có đưa tiền mặt trực tiếp cho bà N và có làm giấy nhận nợ đề ngày 10 tháng 5 năm 2017, về lãi suất bà và bà N có thoả thuận với mức lãi suất hằng tháng là 5% và lãi suất bắt đầu tính từ ngày 10 tháng 5 năm 2017 với hình thức thanh toán lãi hàng tháng. Từ khi vay đến nay thì bà N vẫn chưa thanh toán tiền lãi và nợ gốc cho bà. Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị N thanh toán cho bà số tiền vay là 15.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 10/5/2017 đến nay.

Ngày 03/3/2026, bà Rở E xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà N thanh toán số tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 10 tháng 5 năm 2017 đến ngày xét xử. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn là bà Nguyễn Thị N từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, bà N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, Tòa án có đến nhà bà N để tiến hành lấy lời khai nhưng không gặp bà N nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án và các đương sự: Từ khi thụ lý cho đến hết phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cù Thị Rở E về việc buộc bà N có trách nhiệm thanh toán cho bà Rở E số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng và lãi chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Rở E về việc yêu cầu bà N thanh toán số tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 10 tháng 5 năm 2017 đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 19 tháng 01 năm 2026, bà Cù Thị Rở E nộp đơn khởi kiện đến Tòa án tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Thị N. Khi khởi kiện, bà Nguyễn Thị N cư trú tại ấp P, xã P, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Cù Thị Rở E có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là bà Nguyễn Thị N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bà Cù Thị Rở E xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu buộc bà N thanh toán số tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 10 tháng 5 năm 2017 đến ngày xét xử. Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Rở E về việc yêu cầu buộc bà N thanh toán số tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 10 tháng 5 năm 2017 đến ngày xét xử.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Rở E về việc yêu cầu bà N thanh toán số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Rở E có giao nộp cho Tòa án giấy xác nhận nợ đề ngày 10/5/2017 có chữ ký "Nhành" và chữ viết "Nguyễn Thị N" tại mục người nhận nợ. Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bà N và bà N cũng là người trực tiếp nhận các văn bản tố tụng. Bà N biết việc bà Rở E khởi kiện bà để yêu cầu thanh toán nợ nhưng bà N không có văn bản ý kiến phản đối gửi cho Tòa án và cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến phản đối. Như vậy, có cơ sở để xác định việc bà N vay của bà Rở E số tiền 15.000.000 đồng và chưa thanh toán là có xảy ra trên thực tế.

Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Rở E về việc yêu cầu bà N thanh toán số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng. Buộc bà N thanh toán cho bà Rở E số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của bà Rở E được chấp nhận nên bà N phải chịu số tiền án phí là 750.000 đồng. Bà Rở E đã nộp tạm ứng án phí 375.000 đồng theo biên lai số 0000789 ngày 20 tháng 01 năm 2026 được hoàn lại tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

[6] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 218, điểm a, b khoản 1 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các điều 5, 9 và 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 1 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cù Thị Rở E đối với bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Cù Thị Rở E số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cù Thị Rở E về việc yêu cầu buộc bà N thanh toán số tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 10 tháng 5 năm 2017 đến ngày xét xử.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu số tiền án phí là 750.000 đồng (B trăm năm mươi nghìn đồng), nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau. Bà Cù Thị Rở E đã nộp tạm ứng án phí 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi năm nghìn đồng) theo biên lai số 0000789 ngày 20/01/2026 được hoàn lại tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 9 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 9 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Lệ Thu